

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
& TRUYỀN THÔNG VIỆT NAMCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: 15./2025/CBTT-VNTTBình Dương, ngày 24.. tháng 4 năm 2025CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG
NGHỆ &
TRUYỀN
THÔNG
VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ &
TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
DN: C=VN, S=BÌNH
DƯƠNG, L=Thành phố Thủ
Dầu Một, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN CÔNG NGHỆ &
TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:3700861497
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2025.04.24
16:45:47
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2023.3.0

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) riêng Quý 1 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

- Mã chứng khoán: TTN

- Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, KCN Việt Nam – Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274.2220399

Fax:

- Email: cbtt@vntt.com.vnWebsite: vntt.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 1 năm 2025

☐ BCTC (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);☒ BCTC riêng (TCNY có công ty con);☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 24.../4/2025 tại đường dẫn: <https://vnvt.com.vn/bao-cai-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng Quý 1 năm 2025;
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



PHẠM TUẤN ANH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Số 92/CV-VNTT

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế BCTC riêng
quý 1/2025 so với quý 1/2024 của công ty đại chúng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bình Dương, ngày 14 tháng 4 năm 2025

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
Mã chứng khoán: TTN
Địa chỉ trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, khu công nghiệp Việt Nam –
Singapore II, P. Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 2220 222
Fax: 0274 3635 200

- Căn cứ: Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam xin giải trình nguyên nhân chính làm biến động lợi nhuận sau thuế của BCTC riêng quý 1/2025 tăng 32,9% so với quý 1/2024 như sau:

- | | |
|--|---------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế riêng quý 1/2024: | 12.697.226.398 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế riêng quý 1/2025: | 16.879.024.684 đồng |

Nguyên nhân:

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 15,9% tương ứng tăng 10,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó doanh thu nhóm dịch vụ kinh doanh chủ lực mang lại lợi nhuận cho Công ty là dịch vụ viễn thông và dịch vụ Data center duy trì mức tăng trưởng tốt, tăng 13,8% tương đương 8,0 tỷ đồng.
- Doanh thu tài chính từ lãi tiền gửi tăng 109,9% tương ứng 975 triệu đồng.
- Kiểm soát hiệu quả các chi phí đầu vào làm tăng tỷ suất lợi nhuận gộp so với cùng kỳ năm trước

Trên đây là báo cáo giải trình của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam giải trình về việc biến động lợi nhuận sau thuế của BCTC riêng quý 1/2025 tăng so với quý 1/2024.

Trân trọng !

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Anh



TOTRINHGD25040274

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		425.963.899.147	411.935.884.767
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.132.920.218	38.811.252.844
1. Tiền	111		23.132.920.218	33.811.252.844
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		185.000.000.000	155.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	185.000.000.000	155.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.203.482.750	104.309.260.677
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	72.012.629.844	83.411.715.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.867.398.980	6.686.762.380
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	18.728.794.861	18.616.123.684
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.405.340.935)	(4.405.340.935)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		120.959.082.203	110.974.921.828
1. Hàng tồn kho	141	V.7	120.959.082.203	110.974.921.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.668.413.976	2.840.449.418
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.301.181.192	2.275.043.008
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.367.232.784	565.406.410
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		159.274.052.157	165.887.855.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		248.074.994	231.204.474
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	248.074.994	231.204.474
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		111.085.804.219	112.097.132.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	104.920.212.405	105.795.242.452
- Nguyên giá	222		365.012.267.811	358.096.475.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.092.055.406)	(252.301.232.788)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.165.591.814	6.301.889.818
- Nguyên giá	228		18.891.936.518	18.697.924.382
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.726.344.704)	(12.396.034.564)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.180.238.418	32.491.050.965
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	27.180.238.418	32.491.050.965
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.800.064.833	12.827.821.488
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(12.199.935.167)	(12.172.178.512)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.959.869.693	8.240.646.245
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	7.959.869.693	8.240.646.245
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		585.237.951.304	577.823.740.209



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		90.255.563.290	99.720.376.879
I. Nợ ngắn hạn	310		80.151.367.440	90.190.540.773
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	26.641.689.757	35.811.254.936
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.776.503.015	1.354.775.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.725.017.836	6.457.333.414
4. Phải trả người lao động	314	V.15	7.326.307.724	10.085.290.652
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	8.622.564.022	9.250.173.026
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	16.061.812.069	11.725.477.705
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	12.801.025.383	11.610.815.171
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19a	1.196.443.824	1.299.132.608
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	3.810	2.596.287.810
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.104.195.850	9.529.836.106
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	1.122.223.383	1.132.268.680
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	8.665.084.933	8.105.916.426
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19b	316.887.534	291.651.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

367
G T
H A
N G
N T H
N A I
-T.B

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		494.982.388.014	478.103.363.330
I. Vốn chủ sở hữu	410		494.982.388.014	478.103.363.330
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	(382.600.000)	(382.600.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	46.213.087.998	46.213.087.998
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	81.437.614.956	64.558.590.272
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		64.558.590.272	64.558.590.272
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		16.879.024.684	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		585.237.951.304	577.823.740.209

Bình Dương, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU			Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Đơn vị tính: VND							
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	74.098.176.045	63.937.659.353	74.098.176.045	63.937.659.353
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.098.176.045	63.937.659.353	74.098.176.045	63.937.659.353
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	45.086.088.227	39.914.447.943	45.086.088.227	39.914.447.943
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.012.087.818	24.023.211.410	29.012.087.818	24.023.211.410
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.861.381.107	886.851.475	1.861.381.107	886.851.475
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	27.756.655	(1.673.290.939)	27.756.655	(1.673.290.939)
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.842.202.238	4.559.056.136	3.842.202.238	4.559.056.136
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.124.705.029	7.075.864.853	6.124.705.029	7.075.864.853
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.878.805.003	14.948.432.835	20.878.805.003	14.948.432.835
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	245.345.163	955.716.691	245.345.163	955.716.691
12.	Chi phí khác	32	VI.8	18.206.985	32.616.529	18.206.985	32.616.529
13.	Lợi nhuận khác	40		227.138.178	923.100.162	227.138.178	923.100.162
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.105.943.181	15.871.532.997	21.105.943.181	15.871.532.997

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.226.918.497	3.174.306.599	4.226.918.497	3.174.306.599
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.879.024.684	12.697.226.398	16.879.024.684	12.697.226.398
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-	-	-

Bình Dương, ngày 21 tháng 4 năm 2025



Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ



TOTRINHCB2504074

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.105.943.181	15.871.532.997
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	8.121.132.758	7.535.318.179
- Các khoản dự phòng	03	V.2b, V.6, V.19	(49.695.595)	(2.620.429.204)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(41.636.211)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7, VI.8	(1.811.115.065)	(879.917.809)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.324.629.068	19.906.504.163
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.049.642.676	35.099.560.226
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.984.160.375)	(5.561.221.125)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.449.074.402)	(2.023.966.241)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		254.638.368	(66.018.036)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(5.648.537.386)	(4.506.702.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18a, V.20, V.21	(3.146.284.000)	(2.900.504.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.400.853.949	39.947.652.551
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10 V.11, VII	(1.951.835.208)	(4.227.577.905)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(149.000.000.000)	(45.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	119.000.000.000	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	2.048.553.422	1.307.076.713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.903.281.786)	(37.920.501.192)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18, V.21	(217.541.000)	(112.756.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(217.541.000)	(112.756.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(15.719.968.837)	1.914.395.359
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.811.252.844	48.809.915.063
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		41.636.211	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	23.132.920.218	50.724.310.422

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT có trụ sở chính tại số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn góp đã đăng ký.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông – Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, Đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, đường Bắc Nam, Khu đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 303 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 294 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, vật tư thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Vật tư, thiết bị khảo sát

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí xây dựng, sửa chữa

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	733.766.440	611.134.349
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.399.153.778	33.200.118.495
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	-	5.000.000.000
Cộng	23.132.920.218	38.811.252.844

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi kỳ hạn 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Giải pháp VNTT với tổng số tiền là 25.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty TNHH Giải pháp VNTT.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty TNHH Giải pháp VNTT đang trong giai đoạn đầu hoạt động, chưa phát sinh lãi.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.172.178.512	13.556.532.226
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	27.756.655	(1.673.707.564)
Số cuối năm	12.199.935.167	11.882.824.662

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	42.666.913.953	52.647.127.678
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	20.045.176.162	21.959.311.925
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	9.279.640.162	9.034.351.162
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	3.654.822.650	2.980.233.050

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsp	3.425.600.486	3.547.743.486
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	3.052.595.769	3.173.930.855
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	750.519.114	182.743.114
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh	480.913.010	475.972.812
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	337.064.522	366.886.322
Công ty Cổ Phần Becamex Bình Định	295.579.989	5.632.469.997
Viễn thông Bình Dương	290.137.962	23.056.416
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	289.808.664	1.682.921.302
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	169.903.200	1.782.958.800
Công ty TNHH Becamex Tokyu	119.677.926	305.249.716
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	85.685.323	129.504.321
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	56.226.500	121.170.100
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	39.040.000	28.810.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	34.221.500	1.023.548.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	26.735.500	-
<i>Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xi Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước</i>	9.350.000	9.350.000
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	7.056.000	6.000.000
Công ty TNHH MTV Aspire	5.500.000	5.500.000
Công Ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	4.400.000	-
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương	3.740.000	3.740.000
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	3.575.000	1.650.000
Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương	3.480.000	7.770.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	3.403.400	158.955.800
Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng Thông Minh Việt Nam - Singapore	2.750.000	2.750.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	2.750.000	2.750.000
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	1.650.000	1.650.000
Công ty Cổ phần dược Enlie	1.650.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định	1.518.000	-
Phải thu các khách hàng khác	29.345.715.891	30.764.587.870
Cộng	72.012.629.844	83.411.715.548

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	379.567.949	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	379.567.949	-
Trả trước cho các người bán khác	6.487.831.031	6.686.762.380
Công ty Điện lực Bình Dương	1.628.237.055	1.628.237.055

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH hạ tầng truyền thông số	1.015.775.445	1.117.703.473
Công ty TNHH TM DV KT Phan Khang	1.009.011.244	1.009.011.244
Công ty TNHH Liên doanh Phát triển Quảng Trị	904.368.384	226.092.096
Công ty TNHH Tư Vấn Dịch Vụ Kỹ Thuật Xây		
Dựng Đông Tây	12.544.000	334.491.260
Các nhà cung cấp khác	1.917.894.903	2.371.227.252
Cộng	6.867.398.980	6.686.762.380

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	520.519.843	-	521.095.668	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	453.878.200	-	453.878.200	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Ký quỹ, ký cược	63.108.000	-	63.108.000	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu phí dịch vụ	854.485	-	974.670	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu - Phải thu phí dịch vụ	533.956	-	564.244	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu phí dịch vụ	405.491	-	449.689	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương - Phải thu phí dịch vụ	300.400	-	300.800	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu phí dịch vụ	276.626	-	398.751	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Phải thu phí dịch vụ	180.000	-	180.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Phải thu phí dịch vụ	140.200	-	140.200	-
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu - Phải thu phí dịch vụ	138.020	-	158.158	-
Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng Thông Minh Việt Nam - Singapore - Phải thu phí dịch vụ	98.125	-	63.920	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex - Phải thu phí dịch vụ	89.227	-	359.790	-
Công Ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex - Phải thu phí dịch vụ	89.109	-	110.340	-
Công ty TNHH MTV Aspire - Phải thu phí dịch vụ	82.295	-	60.600	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Phải thu phí dịch vụ	80.000	-	80.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Phải thu phí dịch vụ	70.910	-	70.910	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải thu phí dịch vụ	63.920	-	63.951	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Phải thu phí dịch vụ	60.000	-	61.818	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip - Phải thu phí dịch vụ	50.879	-	51.627	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Phải thu phí dịch vụ	20.000	-	20.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	18.208.275.018 (2.309.450.910)		18.095.028.016 (2.309.450.910)	
Tạm ứng	12.070.340.684	-	11.831.522.568	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	34.453.839	-	54.453.839	-
Lãi dự thu	2.392.816.437	-	2.630.254.794	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.710.664.058 (2.309.450.910)		3.578.796.815 (2.309.450.910)	
Cộng	18.728.794.861 (2.309.450.910)		18.616.123.684 (2.309.450.910)	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	142.315.528	-	142.315.528	-
Công ty TNHH MTV Aspire - Ký quỹ dài hạn	61.835.200	-	61.835.200	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định- Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-	51.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước- Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP - Ký quỹ dài hạn	10.000.000		10.000.000	
Công ty Liên Doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	9.480.328	-	9.480.328	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	105.759.466	-	88.888.946	-
Cộng	248.074.994	-	231.204.474	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
<i>Từ 03 đến 06 tháng</i>	203.002	142.101	203.002	142.101
<i>Từ 06 đến 09 tháng</i>	66.474.509	33.237.255	66.474.509	33.237.255
<i>Từ 09 đến 12 tháng</i>	139.472.136	41.841.641	139.472.136	41.841.641
<i>Trên 12 tháng</i>	789.415.055	-	789.415.055	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
<i>Dưới 01 năm</i>	-	-	-	-
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	15.994.660	7.997.330	15.994.660	7.997.330
<i>Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm</i>	511.598.709	153.479.613	511.598.709	153.479.613
<i>Trên 03 năm</i>	537.193.968	-	537.193.968	-
Phải thu khác của các cá nhân				
<i>Trên 03 năm</i>	2.309.450.910	-	2.309.450.910	-
Phải thu tạm ứng của các cá nhân				
<i>Trên 03 năm</i>	453.878.200	453.878.200	453.878.200	453.878.200
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
<i>Trên 03 năm</i>	272.235.926	-	272.235.926	-
Cộng	5.095.917.075	690.576.140	5.095.917.075	690.576.140

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.405.340.935	4.209.628.006
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	-	-
Số cuối năm	4.405.340.935	4.209.628.006

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.004.285.269	-	42.288.715.963	-
Công cụ, dụng cụ	25.963.622	-	100.752.822	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	76.451.624.889	-	46.062.709.520	-
Hàng hóa	21.477.208.423	-	22.522.743.523	-
Cộng	120.959.082.203	-	110.974.921.828	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	595.600.511	447.345.643
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.705.580.681	1.827.697.365
Cộng	2.301.181.192	2.275.043.008

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	206.299.542	337.924.878

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	6.382.067.066	6.432.075.470
Vật tư, thiết bị khảo sát	27.854.168	32.229.167
Chi phí xây dựng, sửa chữa	156.605.476	196.755.976
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.187.043.441	1.241.660.754
Cộng	7.959.869.693	8.240.646.245

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.291.910.157	234.921.413.656	95.268.418.611	8.596.864.012	1.017.868.804	358.096.475.240
Mua trong năm/kỳ	3.099.653.571	74.800.000	-	-	-	3.174.453.571
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.102.237.840	639.101.160	-	-	3.741.339.000
Số cuối kỳ	21.391.563.728	238.098.451.496	95.907.519.771	8.596.864.012	1.017.868.804	365.012.267.811
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.345.971.956	63.533.213.334	20.539.561.787	1.035.653.875	760.950.740	90.215.351.692
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.878.220.288	181.103.850.467	58.472.328.022	1.901.460.060	945.373.951	252.301.232.788
Khấu hao trong năm/kỳ	207.946.748	4.495.541.950	2.685.318.299	380.275.462	21.740.159	7.790.822.618
Số cuối kỳ	10.086.167.036	185.599.392.417	61.157.646.321	2.281.735.522	967.114.110	260.092.055.406
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8.413.689.869	53.817.563.189	36.796.090.589	6.695.403.952	72.494.853	105.795.242.452
Số cuối kỳ	11.305.396.692	52.499.059.079	34.749.873.450	6.315.128.490	50.754.694	104.920.212.405
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.906.733.692	14.791.190.690	18.697.924.382
Tăng do nộp lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất	194.012.136	-	194.012.136
Số cuối kỳ	4.100.745.828	14.791.190.690	18.891.936.518
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.188.487.917	8.188.487.917
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	12.396.034.564	12.396.034.564
Khấu hao trong năm/kỳ	-	330.310.140	330.310.140
Số cuối kỳ	-	12.726.344.704	12.726.344.704
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.906.733.692	2.395.156.126	6.301.889.818
Số cuối kỳ	4.100.745.828	2.064.845.986	6.165.591.814
<i>Trong đó:</i>			

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	12.307.585.178	184.415.707	(3.323.215.707)	-	9.168.785.178
Xây dựng cơ bản dở dang	20.183.465.787	1.699.332.097	(3.741.339.000)	(130.005.644)	18.011.453.240
Cộng	32.491.050.965	1.883.747.804	(7.064.554.707)	(130.005.644)	27.180.238.418

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	6.297.329.496	6.462.629.393
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	5.595.725.973	5.595.725.973
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	210.347.980	96.828.580
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xí Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước	197.190.006	311.476.006
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	127.330.278	96.514.107
Công ty TNHH MTV Aspire	68.018.720	34.009.360
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	36.964.322	38.164.167
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	30.285.717	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương	10.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	9.407.901	50.871.517
Công ty TNHH Becamex Tokyu	6.174.437	8.313.168
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	5.749.027	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	135.135	83.160
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	-	30.643.355
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	-	200.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	20.330.730.661	29.348.625.543
Công ty Cổ phần phân phối công nghệ Quang Dũng	10.291.141.740	12.159.964.712
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ ADTECH Việt Nam	457.152.896	3.892.702.480
Các nhà cung cấp khác	9.596.065.625	13.295.958.351
Cộng	26.641.689.757	35.811.254.936

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng khác	1.776.503.015	1.354.775.451
Cộng	1.776.503.015	1.354.775.451



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	50.917.932	565.406.410	3.842.047.553	(2.397.797.459)	1.502.665.426	572.903.810
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.639.052.354	-	4.226.918.497	(5.648.537.386)	4.217.433.465	-
Thuế thu nhập cá nhân	767.363.128	-	468.996.915	(2.030.689.017)	-	794.328.974
Các loại thuế khác	-	-	54.548.726	(49.629.781)	4.918.945	-
Cộng	6.457.333.414	565.406.410	8.592.511.691	(10.126.653.643)	5.725.017.836	1.367.232.784

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học: Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác (*): 8% và 10%

- (*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến 30 tháng 6 năm 2025 Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định theo theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.105.943.181	15.871.532.997
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	28.649.306	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	21.134.592.487	15.871.532.997
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.226.918.497	3.174.306.599

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 3 năm 2025 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công trình	1.966.834.929	2.715.084.177

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	6.495.344.857	5.938.524.960
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	160.384.236	596.563.889
Cộng	8.622.564.022	9.250.173.026

- 17. Doanh thu chưa thực hiện**
Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	34.070.336	584.370.272
Thường Ban điều hành	-	550.000.000
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	34.070.336	34.370.272
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	12.766.955.047	11.026.444.899
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.272.636.000	204.179.000
Cổ tức phải trả	8.155.879.300	8.373.420.300
Văn phòng điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương - Doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác phải trả	2.100.610.789	2.119.271.875
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.237.828.958	329.573.724
Cộng	12.801.025.383	11.610.815.171

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	23.100.000	23.100.000
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	19.800.000	19.800.000
Công ty TNHH BW Supply Chain City– Nhận ký quỹ dài hạn	3.300.000	3.300.000
Phải trả các bên liên quan	8.641.984.933	8.082.816.426
Nhận ký quỹ dài hạn khác	8.641.984.933	8.082.816.426
Cộng	8.665.084.933	8.105.916.426

- 18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả**19a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.299.132.608	2.189.455.267
Tăng do trích lập	127.333.020	-
Hoàn nhập dự phòng	(230.021.804)	(946.721.640)
Số cuối kỳ	1.196.443.824	1.242.733.627



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	291.651.000	446.333.081
Tăng do trích lập	25.236.534	-
Số cuối kỳ	316.887.534	446.333.081

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.596.287.810	2.267.963.234
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Tăng khác (nhận khen thưởng)	7.020.000	-
Chi quỹ	(2.603.304.000)	(2.200.504.200)
Số cuối kỳ	3.810	67.459.034

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	178.446.000.000	178.446.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	168.829.000.000
Cộng	367.275.000.000	367.275.000.000

21b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.727.500	36.727.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty chưa phân phối lợi nhuận do Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức vào tháng 4 năm 2025.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 377.193,78USD (số đầu năm là 225.162,56USD).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	3.069.689.465	3.174.898.256
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.500.614.780	58.719.549.697
Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.527.871.800	2.043.211.400
Cộng	74.098.176.045	63.937.659.353

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Bán thiết bị	877.853.000	-
Cung cấp dịch vụ	1.236.012.797	1.116.326.194
Xây dựng công trình	2.736.496.000	322.963.400
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Cung cấp dịch vụ	4.500.000	4.500.000
Xây dựng công trình	155.790.000	129.065.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	159.766.162	159.151.554
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Cung cấp dịch vụ	4.682.323	4.692.084
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Cung cấp dịch vụ	402.776.311	440.792.459
Xây dựng công trình	258.474.800	221.264.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	46.171.772	155.912.400
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Cung cấp dịch vụ	136.929.842	147.938.349
Xây dựng công trình	8.837.500	-
Công ty Cổ phần dược Enlie		
Cung cấp dịch vụ	4.500.000	4.500.000
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Bán thiết bị	-	80.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Cung cấp dịch vụ	162.584.486	168.011.767
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	1.750.000	4.500.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán thiết bị	16.824.000	37.167.000
Cung cấp dịch vụ	45.918.204	44.208.755
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Cung cấp dịch vụ	10.230.860	12.147.826
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Bán thiết bị	-	36.087.000
Cung cấp dịch vụ	62.040.000	57.480.000
Xây dựng công trình	101.162.000	-
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Cung cấp dịch vụ	581.250	(4.035.949)
Xây dựng công trình	624.620.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước		
Cung cấp dịch vụ	158.458.051	149.260.968
Xây dựng công trình	120.000.000	24.374.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	133.441.000	119.085.000
Xây dựng công trình	74.541.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn		
Bán thiết bị	-	350.000
Cung cấp dịch vụ	61.265.000	64.470.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán thiết bị	7.800.000	2.500.000
Cung cấp dịch vụ	83.208.176	62.395.080
Xây dựng công trình	-	12.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip		
Bán thiết bị	169.850.000	294.837.000
Cung cấp dịch vụ	54.772.179	10.000.000
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông		



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Cung cấp dịch vụ	1.556.469.972	856.745.272
Viễn thông Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	1.033.864.095	720.374.266
Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	4.990.908	7.941.021
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu		
Cung cấp dịch vụ	33.266.395	33.246.590
Công ty TNHH MTV Aspire		
Cung cấp dịch vụ	15.202.295	15.206.678
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương		
Bán thiết bị	-	80.000
Cung cấp dịch vụ	10.200.000	10.200.000
Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng Thông Minh Việt Nam - Singapore		
Cung cấp dịch vụ	7.715.842	7.913.068
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	7.500.000	7.500.000
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước		
Cung cấp dịch vụ	12.660.000	12.660.000
Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Becamex		
Cung cấp dịch vụ	-	10.500.000
Công Ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex		
Cung cấp dịch vụ	12.360.110	12.178.283
Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	4.140.000	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City		
Cung cấp dịch vụ	4.560.000	14.476.667
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xí Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước		
Cung cấp dịch vụ	25.500.000	21.060.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Nghiệp BW Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ	4.050.000	4.050.000
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.764.275.140	3.846.673.183
Giá vốn cung cấp dịch vụ	38.539.439.500	34.348.467.792
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	3.782.373.587	1.719.306.968
Cộng	45.086.088.227	39.914.447.943
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.811.115.065	879.917.809
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.629.831	6.933.666
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	41.636.211	-
Cộng	1.861.381.107	886.851.475
4. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	27.756.655	(1.673.707.564)
Chi phí tài chính khác	-	416.625
Cộng	27.756.655	(1.673.290.939)
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.841.385.474	3.135.937.390
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.015.519	29.567.660
Chi phí khấu hao	72.806.001	72.806.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.750.209	15.203.647
Chi phí khác	890.245.035	1.305.541.438
Cộng	3.842.202.238	4.559.056.136
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.359.931.192	4.077.860.257
Chi phí vật liệu quản lý	94.151.804	79.438.599
Chi phí đồ dùng văn phòng	101.305.274	173.064.438
Chi phí khấu hao TSCĐ	341.328.681	430.398.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.256.939	251.987.914
Chi phí bằng tiền khác	1.972.731.139	2.063.114.781
Cộng	6.124.705.029	7.075.864.853

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Cùng Kỳ năm trước
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	230.021.804	946.721.640
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	10.800.000	5.200.000
Thu nhập khác	4.523.359	3.795.051
Cộng	245.345.163	955.716.691

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí khác	18.206.985	32.616.529
Cộng	18.206.985	32.616.529

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.599.262.951	15.276.677.467
Chi phí nhân công	17.187.893.300	15.315.906.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.530.488.537	7.975.251.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.820.019.739	18.502.012.577
Chi phí khác	9.598.542.762	6.469.505.075
Cộng	84.736.207.289	63.539.352.723

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có công nợ phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả mua sắm tài sản cố định	6.151.124.163	6.303.967.211

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	16.506.405.000	17.333.420.000
Trên 01 năm đến 05 năm	7.766.980.000	11.535.540.000
Cộng	24.273.385.000	28.868.960.000

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở các thuyết minh số V.5a và V.18a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	168.900.000	595.331.400	-	764.231.400
Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Ông Quảng Văn Viết Cương	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	-	-
Ông Nguyễn Hải Hoàng	Kiểm soát viên	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Kiểm soát viên	-	-	-	-
Ông Lê Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025)	32.550.000	205.929.810	-	238.479.810
Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	96.000.000	172.589.650	-	268.589.650
Ông Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng	132.000.000	435.458.199	-	567.458.199
Cộng		429.450.000	1.409.309.059	-	1.838.759.059
Kỳ trước					
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	40.000.000	40.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	150.000.000	373.847.500	30.000.000	553.847.500
Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	30.000.000	30.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cương	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng	Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Lê Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	97.650.000	263.773.170	-	361.423.170

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	97.650.000	175.800.880	-	273.450.880
Ông Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng	127.800.000	299.080.660	-	426.880.660
Cộng		473.100.000	1.112.502.210	230.000.000	1.815.602.210

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Công ty góp vốn
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Công ty góp vốn
Công ty TNHH Giải pháp VNTT	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV WTC Hải Phòng	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Thới Hòa	Công ty con của Công ty Cổ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Thới Hòa - Dự án 2	phần Phát triển Công nghiệp BW Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH BW Supply Chain City	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - Dự án 3	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB04	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB05	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB06	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB01	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Mỹ Phước 3	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH MTV Aspire	Công ty con của trường Đại học Quốc tế Miền Đông
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	Công ty con của Công ty TNHH Becamex Tokyu
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định	Công ty con của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước
Công ty TNHH MTV Hỗ trợ khởi nghiệp Becamex IDC – Block 71	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsip	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông

Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị

Viễn thông Bình Dương

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<i>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP</i>		
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	52.830.552	58.214.192
<i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i>		
Chi phí tiền điện	28.042.331	-
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i>		
Tiền điện và tiền thuê phòng	-	3.529.007
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	9.333.443	15.565.943
<i>Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</i>		
Phí dịch vụ	-	225.866.280
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	33.901.964	136.048.824
<i>Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore</i>		
Thuế chuyển nhượng bất động sản	18.160.708	-
Mua bất động sản	135.649.999	-
Phí dịch vụ	44.770.512	-
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	181.842.538	182.690.398
<i>Công ty Cổ phần SetiaBecamex</i>		
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	15.167.193	12.996.592
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước</i>		
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	95.734.045	81.951.423
Chi phí thuê nhà	15.000.000	15.000.000
<i>Công ty Cổ phần Becamex Bình Định</i>		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	35.321.432	23.221.419
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	13.842.769	37.722.352
<i>Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	763.636

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Phải trả doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác	8.858.991.510	8.275.275.616
Phí dịch vụ	42.909.146	6.116.413
<i>Viễn thông Bình Dương</i>		
Mua nguyên vật liệu	19.787.748	-
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	227.518.170	774.215.972
<i>Công ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương</i>		
Phí dịch vụ	9.090.909	-
<i>Công ty TNHH MTV Aspire</i>		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	92.752.800	-
<i>Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Becamex</i>		
Tiền điện và tiền thuê phòng	10.327.680	11.603.584
<i>Công ty TNHH BW Supply Chain City</i>		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	2.025.498.840	2.025.498.840
<i>Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xí Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước</i>		
Mua nguyên vật liệu	25.585.185	32.175.926
<i>Công ty Liên doanh TNHH SinViet</i>		
Phí dịch vụ	2.590.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 21 tháng 4 năm 2025



Vi Ngọc Đại
Người lập biểu



Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

